

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Bình, bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1976; HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị V trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh vào năm 1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2013, chị V bỏ đi đâu không ai biết. Anh và gia đình đã liên lạc nhiều nơi nhưng không có tin tức của chị V. Anh đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị V mất tích. Tại quyết định số 01/2020/QĐST-VDS ngày 05/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đã tuyên bố chị Nguyễn Thị V mất tích. Từ khi có quyết định tuyên bố chị V mất tích đến nay, anh và gia đình chị V không có tin tức gì của chị V. Để

tạo điều kiện cho anh ổn định cuộc sống, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V.

Anh và chị V có 04 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/6/1998; Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 14/3/2007; Nguyễn Thị H, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 17/01/2013. Năm 2013 khi chị V bỏ đi có đưa cháu T đi cùng, từ đó đến nay cháu T không về nhà. Anh đề nghị nuôi 03 cháu Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Thảo M. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, do chị V mất tích nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị V. Anh tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Thảo M. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 58, 165, 195 và Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ. Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 14/3/2007; Nguyễn Thị H, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 17/01/2013. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: Anh Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, con chung nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là chị Nguyễn Thị V có nơi cư trú cuối cùng tại thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 20/9/2024, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 133 của Hội đồng xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 16/10/2024, chị V vắng mặt nên hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị V.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị V kết hôn năm 1997, quan hệ hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị V đã bỏ đi từ năm 2013 không có tin tức gì. Tại quyết định số 01/2020/QĐST-VDS ngày 05/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã tuyên bố chị V mất tích. Từ khi có quyết định tuyên bố mất tích đến nay, anh Đ và gia đình không có tin tức gì của chị V. Anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị V. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị V.

Về con chung: Anh Đ và chị V có 04 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/6/1998; Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 14/3/2007; Nguyễn Thị H, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 17/01/2013. Cháu T đi cùng mẹ từ đó đến nay không có tin tức. Anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, các cháu đều trưởng thành tốt và có nguyện vọng tiếp tục ở với bố. Vì vậy, giao các con chung gồm Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Thảo M cho anh Đ nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh Đ và chị V không có tài sản chung, không vay nợ ai và không ai vay nợ vợ chồng nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí:* Anh Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 233; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ nuôi 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 14/3/2007; Nguyễn Thị H, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 17/01/2013. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo tại biên lai thu số 0002448 ngày 13/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND h. Yên Phong;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Tam Đa;
- Cơ quan THADS h. Yên Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Thanh